

Số: 32 /BC-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định Quý I năm 2024

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Quý I năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá về công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

Năm 2024 được xác định là năm tăng tốc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; theo đó, ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành và chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trên từng lĩnh vực, trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện thể chế; cải cách thủ tục hành chính; chuyển đổi số. Ngày 22 tháng 01 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND về triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, đồng thời, ban hành Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024¹; với phương châm hành động năm 2024 của tỉnh đó là “*làm gương, kỷ cương, trọng tâm, bứt phá*”, toàn bộ hệ thống chính quyền chuyển đổi tư duy từ “*chính quyền quản lý*” sang “*chính quyền phục vụ*”. Trong đó, xác định “tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi đối với các thành phần kinh tế; ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ giải quyết hồ sơ, thủ tục cho người dân, doanh nghiệp nhanh chóng, thấu tình đạt lý và phù hợp theo quy định của Nhà nước; cải cách tổ chức bộ máy, hiện đại hóa nền hành chính” là một trong các nhóm giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể, trong đó quy định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, phân kỳ thời gian và phân công người chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện cụ thể từng nội dung công việc để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định và duy trì định kỳ hằng tháng, quý tổ chức Hội nghị giao ban, họp

¹ Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh.

thường kỳ hoặc họp đột xuất để đánh giá tình hình và đề ra các biện pháp phù hợp nhằm đẩy mạnh thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong tháng và triển khai nhiệm vụ các tháng tiếp theo.

Nhằm đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực, tạo sự đột phá để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2024², xác định 30 nhiệm vụ trọng tâm với các chỉ tiêu phân đầu trên 06 lĩnh vực của công tác cải cách hành chính. Trong Quý I năm 2024, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị công bố các chỉ số cải cách hành chính năm 2023 và triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024 để đánh giá kết quả cải cách hành chính năm 2023 làm cơ sở triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 thông qua việc báo cáo, phân tích kết quả 03 chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính năm 2023.

2. Triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính

Năm 2023, UBND tỉnh xác định 30 nhiệm vụ trọng tâm trên 6 lĩnh vực của nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh³. Đến ngày 14 tháng 3 năm 2024, đã hoàn thành **10/30 nhiệm vụ** đề ra, các quyết định, kế hoạch của UBND tỉnh ban hành làm cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo tiến độ đảm bảo mục tiêu chung đề ra (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Trong quý I năm 2024, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành **20 văn bản** chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ hành chính, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các Nghị quyết của Chính phủ.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 về Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh năm 2024⁴. Đến nay, Tổ Kiểm tra công vụ của tỉnh đã tiến hành kiểm tra 17 cơ quan, đơn vị, địa phương⁵, hầu hết các địa phương chấp hành tốt các nội dung được kiểm tra: UBND cấp xã tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính kịp thời cho người dân, không có hồ sơ trễ hạn; cán bộ, công chức chấp hành quy chế làm việc địa phương và quy định thời gian làm việc hành chính; thực hiện đúng đạo đức công vụ.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

² Quyết định số 4935/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh.

³ Kế hoạch số 4935/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh.

⁴ Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh.

⁵ Huyện Phù Cát (xã Cát Nhơn, xã Cát Thắng, thị trấn Ngô Mỹ), huyện Tuy Phước (xã Phước An, thị trấn Tuy Phước), huyện Vân Canh (xã Canh Vinh, xã Canh Hiệp), huyện Tây Sơn (xã Bình Tường, xã Tây Phú), huyện Phù Mỹ (xã Mỹ Phong, thị trấn Phù Mỹ); thị xã Hoài Nhơn (xã Hoài Xuân), huyện Hoài Ân (xã Ân Thạnh, xã Ân Tường Tây), thành phố Quy Nhơn (phường Lý Thường Kiệt), thị xã An Nhơn (xã Nhơn Khánh, xã phường Nhơn Hưng).

Để thông tin, tuyên truyền kịp thời chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của tỉnh về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 về Kế hoạch truyền thông cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2024. Theo đó, các nội dung tuyên truyền về cải cách hành chính sẽ được thực hiện thường xuyên tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tuyên truyền chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và các chương trình, kế hoạch, văn bản của Trung ương, của Tỉnh về cải cách hành chính; nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu. Từ nội dung Kế hoạch truyền thông của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai xây dựng Kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ tuyên truyền về cải cách hành chính của đơn vị mình đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

Tỉnh tiếp tục duy trì các hình thức truyền thông về công tác cải cách hành chính tại chuyên trang, chuyên mục của các cơ quan truyền thông của tỉnh và trên các nền tảng chuyển đổi số, tuyên truyền các cơ quan truyền thông, các ứng dụng nền tảng số tuyên truyền về kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của tổ chức, công dân (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương của tỉnh (DDCI), triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2024 và các nội dung liên quan đến cải cách hành chính của tỉnh. Ngoài ra, đã tổ chức tổng kết, trao giải Cuộc thi Tìm hiểu pháp luật trực tuyến về hộ tịch trên địa bàn tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định xây dựng 03 số Tạp chí truyền hình “Pháp luật và Đời sống”; phát hành tài liệu tuyên truyền pháp luật... nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật đến với toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh; góp phần, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Đến nay, tỉnh đã hoàn thành và thực hiện đúng thời hạn đối với **01/19 nhiệm vụ**; UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tham mưu việc tổ chức triển khai thực hiện theo quy định đối với 18 nhiệm vụ trong hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

Trong quý I năm 2024 HĐND, UBND các cấp ban hành 27 văn bản quy phạm pháp luật; trong đó, HĐND, UBND tỉnh ban hành 20 văn bản (0 Nghị quyết và 20 Quyết định); HĐND, UBND cấp huyện ban hành 07 văn bản (01 nghị quyết và 06 quyết định); HĐND, UBND cấp xã ban hành 0 văn bản.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật (THTHPL): UBND tỉnh ban hành Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024

trên địa bàn tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 446/UBND-NC ngày 17 tháng 01 năm 2024 triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 5970/TB-ĐKT của Đoàn công tác liên ngành. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế theo kiến nghị của Đoàn kiểm tra liên ngành Trung ương về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (THTHPL) và cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật năm 2023 tại tỉnh; tạo sự chuyển biến đồng bộ, toàn diện và thực chất trong công tác theo dõi THTHPL và cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:

UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) trên địa bàn tỉnh. Cụ thể: Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2024 ban hành Kế hoạch PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 897/UBND-NC ngày 02 tháng 02 năm 2024 triển khai một số nhiệm vụ PBGDPL dịp Tết Giáp Thìn năm 2024; Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024 về kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2024 kiện toàn và công nhận Báo cáo viên pháp luật tỉnh Bình Định; Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2024 miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2024 phổ biến các văn bản luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6 và Kỳ họp bất thường lần thứ 5.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL:

+ Công tác tự kiểm tra: thực hiện tự kiểm tra 20 văn bản (20 Quyết định của UBND tỉnh). Kết quả, các văn bản do UBND tỉnh ban hành đều đảm bảo về nội dung, hình thức và thẩm quyền ban hành.

+ Công tác kiểm tra theo thẩm quyền: đã thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 07/07 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Qua kiểm tra, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung và thẩm quyền.

+ Về công tác rà soát văn bản QPPL: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần năm 2023. Theo đó, công bố 44 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 51 văn bản hết hiệu lực một phần. Ngoài ra, thực hiện theo Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh; theo đó, đã thực hiện rà soát, UBND tỉnh ban

hành các văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 15 quyết định của UBND tỉnh. UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng đã kịp thời tổ chức rà soát các văn bản do HĐND, UBND cùng cấp ban hành. Trên cơ sở kết quả rà soát, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành quyết định công bố Danh mục văn bản QPPL của HĐND, UBND hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần theo quy định.

+ Công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2019 - 2023:

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 về công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023; ban hành Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2024 về kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 về Kế hoạch rà soát, đánh giá 29 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của 15 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- ***Về công bố danh mục thủ tục hành chính:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 32 Quyết định công bố Danh mục với 195 TTHC (trong đó ban hành mới 41 TTHC; sửa đổi, bổ sung 88 TTHC; thay thế 02 TTHC; bãi bỏ 64 TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành; đã thực hiện việc tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định. Đồng thời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 20 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 49 TTHC liên thông và 47 TTHC không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành.

- ***Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:***

+ Để phát huy những kết quả đã đạt được, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những mặt còn tồn tại, hạn chế theo nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại “Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp” và “Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2024 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án 06 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và các năm tiếp theo”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị⁶ về thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến gắn với đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành chính cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

⁶ Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Thực hiện Công văn số 221/VPCP-KSTT ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ⁷, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 304/UBND-KSTT ngày 12 tháng 01 năm 2024 triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch⁸ thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định⁹ phê duyệt Danh mục 25 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội tỉnh và 314 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn đưa vào tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Quyết định¹⁰ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện mô hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC phi địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định¹¹ công bố Danh mục 08 TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa (rút ngắn thời gian giải quyết) theo Quyết định số 4617/QĐ-UBND ngày 13 ngày 12 tháng 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Nhằm đổi mới phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước theo hướng chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin về nhu cầu của người dân để hỗ trợ, phục vụ người dân thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời, thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, đồng viên của các cơ quan chính quyền đối với những vấn đề nảy sinh, có ảnh hưởng, tác động đến cuộc sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp góp phần xây dựng hình ảnh chính quyền thân thiện, gần gũi, đồng hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch¹² triển khai mô hình "Hành chính phục vụ người dân" trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đến nay, đã có 06/11 địa phương¹³ thí điểm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện mô hình này. Theo đó, tính đến ngày 13/3/2024, kết quả thực hiện như sau: (i) UBND thành phố Quy Nhơn là địa phương đầu tiên đã triển khai hoàn thiện sớm nhất thí điểm mô hình này tại 21/21 đơn vị (trong đó phát sinh 254 trường hợp cấp giấy chứng nhận, thư chúc mừng, thư chia buồn được lãnh đạo địa phương trao tận tay đến người dân). Bên cạnh đó, cán bộ địa phương thiết lập các kênh thông tin như facebook, zalo để

⁷ Công văn số 221/VPCP-KSTT ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ triển khai nhiệm vụ, chỉ tiêu giao tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ.

⁸ Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh.

⁹ Quyết định 4987/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁰ Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹¹ Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹² Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh.

¹³ 06 địa phương bao gồm: Quy Nhơn (Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 18/01/2024), An Nhơn (Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 22/01/2024), An Lão (Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 01/02/2024), Hoài Nhơn (Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 21/02/2024), Tuy Phước (Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09/01/2024), Vĩnh Thạnh (Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 23/02/2024).

lan tỏa, tuyên truyền cho người dân trên địa bàn thành phố và được người dân địa phương đánh giá cao, vui mừng, phấn khởi khi Nhà nước triển khai mô hình này; (ii) UBND thị xã Hoài Nhơn thí điểm tại 02/17 đơn vị (trong đó phát sinh 43 trường hợp cấp giấy chứng nhận, thư chúc mừng, thư chia buồn được lãnh đạo địa phương trao tận tay đến người dân); (iii) UBND huyện Tuy Phước có 02/13 đơn vị (trong đó phát sinh 17 trường hợp cấp giấy chứng nhận, thư chúc mừng, thư chia buồn được lãnh đạo địa phương trao tận tay đến người dân).

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Kết quả từ ngày 15 tháng 12 năm 2023 đến hết ngày 14 tháng 3 năm 2024, toàn tỉnh đã tiếp nhận 115.734 hồ sơ. Trong đó, số lượng hồ sơ đã giải quyết: 104.384 hồ sơ (bao gồm: 96.353 hồ sơ giải quyết trước hạn, 7.835 hồ sơ giải quyết đúng hạn và 196 hồ sơ giải quyết trễ hạn), số lượng hồ sơ đang giải quyết và còn trong hạn: 11.350 hồ sơ.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch và văn bản triển khai, hướng dẫn công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Việc triển khai công tác số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại các sở, ngành, địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả thực hiện trong Quý I năm 2024 như sau: (i) Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ bình quân của cả tỉnh đạt 98,3%, trong đó cấp tỉnh đạt 99,7%, cấp huyện đạt 99,6%, cấp xã đạt 96,2%; (ii) Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử bình quân của cả tỉnh đạt 91,97%, trong đó cấp tỉnh đạt 74,7%, cấp huyện đạt 91,3%, cấp xã đạt 97,2%.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản¹⁴ Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục quan tâm, thường xuyên theo dõi, kiểm tra sâu sát và quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị cấp xã trên địa bàn tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo hoàn thành dứt điểm công tác số hóa 100% khối lượng dữ liệu Hộ tịch ngay trong tháng 4 năm 2024 nhằm đẩy nhanh tiến độ số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Đã tiếp nhận 33 phản ánh, kiến nghị gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, qua đó xử lý, chuyển cơ quan chức năng trả lời và công khai theo đúng quy định (trong đó, có 30 phản ánh, kiến nghị đã xử lý và 03 phản ánh, kiến nghị đang trong hạn xử lý).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Trình Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y

¹⁴ Công văn số 1700/UBND-KSTT ngày 11 tháng 03 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đổi tên Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thành Chi cục Dân số tỉnh Bình Định.

- **Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:** Thông báo biên chế năm 2024 cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; triển khai thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc về kết quả giám sát chuyên đề về tình hình, kết quả thực hiện chính sách pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức, đề án vị trí việc làm và chính sách tinh giản biên chế các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 đến 2022. Trình Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung biên chế giáo viên công lập năm học 2023 - 2024.

- **Thực hiện chính sách tinh giản biên chế:** Báo cáo Bộ Nội vụ kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 với 40 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện (trong đó có 08 cán bộ, công chức; 32 viên chức) với tổng số kinh phí là 6.616.492.000 đồng. UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 đối với 26 cán bộ, công chức, viên chức với tổng kinh phí là 5.317.953.000 đồng¹⁵.

4. Cải cách chế độ công vụ

- **Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:** Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương một số nội dung trong xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm theo Công văn số 7583/BNV-TCBC ngày 23 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nội vụ; hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 23 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nội vụ. Thông báo kết quả kiểm tra công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và tinh giản biên chế trên địa bàn các huyện kiểm tra 2023 đối với 06 địa phương¹⁶. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ủy quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập và vị trí việc làm của cán bộ, công chức các xã, phường, thị trấn¹⁷.

- **Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển).** Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức năm 2024; đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về hình thức, nội dung và xác định kết quả sát hạch tiếp nhận vào làm công chức năm 2024. Thực hiện công tác tuyển dụng công chức đúng quy định của pháp luật, đã tuyển dụng công chức bằng hình thức tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý đối với 04 trường hợp¹⁸. Thỏa thuận kế hoạch, nhu

¹⁵ Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 và Quyết định số 4785/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 (bổ sung).

¹⁶ UBND các huyện, thị xã, thành phố: An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát.

¹⁷ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh.

¹⁸ Sở Y tế: 01 trường hợp; UBND thị xã An Nhơn: 01 trường hợp, UBND huyện Phù Mỹ: 01 trường hợp, UBND huyện Tây Sơn: 01 trường hợp.

cầu tuyển dụng viên chức của Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện An Lão với 192 chỉ tiêu. Đến nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện tuyển dụng đối với 257 viên chức (*theo chỉ tiêu năm 2023*).

- **Kết quả đánh giá cán bộ năm 2023:** Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định đánh giá, xếp loại: Tập thể: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 06/29, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 23/29; Cá nhân: Giám đốc Sở và tương đương: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 04/27 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 23/27 người; Phó Giám đốc Sở và tương đương: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 12/54 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 42/54 người. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xếp loại chất lượng năm 2023 đối với 26 viên chức quản lý thuộc thẩm quyền: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 03/26 người; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 23/26 người.

- **Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:** UBND tỉnh thực hiện bảo đảm kịp thời, đúng quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm 03 Kiểm soát viên Công ty¹⁹; bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Định²⁰, Chủ tịch Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn²¹, cho ý kiến đề Chủ tịch Công ty bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty²²; chủ trương đề Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm 03 viên chức giữ chức vụ Phó Trưởng phòng thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ theo thẩm quyền phân cấp quản lý của tỉnh; bổ nhiệm Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cử Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn nhiệm kỳ 2020 - 2025²³, Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định, nhiệm kỳ 2024 - 2029²⁴; cho chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với 03 trường hợp²⁵.

- **Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị:** đã tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023, theo đó, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với 168/168 cán bộ, công chức trúng tuyển. Triển khai đến các địa phương rà soát, báo cáo kết quả việc chuyển hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên hiện nay theo các Thông tư số 01, 02, 03 và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Thực hiện chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức:** Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 09 tháng

¹⁹ Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, Công ty TNHH Khai thác các công trình thủy lợi Bình Định.

²⁰ Ông Bùi Lê Vĩ Chinh, Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Định.

²¹ Ông Nguyễn Ngọc Đạo, Chủ tịch Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn.

²² Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định.

²³ Ông Phạm Thanh Liêm, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn; ông Đào Lê Trung, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn.

²⁴ Ông Lê Trung Hậu, Phó Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh.

²⁵ Cho chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với 03 trường hợp: Giám đốc Sở Xây dựng đối với ông Trần Việt Bảo; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đối với ông Lê Văn Tùng; Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đối với ông Nguyễn Thanh Nguyên.

3 năm 2024 về triển khai thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025, tổng số có 11 vị trí cần thu hút trong năm 2024 tại 05 cơ quan²⁶. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thực hiện chế độ, chính sách tiền lương đối với 15 cán bộ lãnh đạo, quản lý (*nâng bậc lương thường xuyên 07 người, nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích 04 người, nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu 01 người, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung 02 người, phụ cấp thâm niên nghề 01 người*); thông báo nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 02 người²⁷, nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 03 người²⁸. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách thu hút đối với 55 bác sĩ, dược sĩ (hỗ trợ một lần 12 người, hỗ trợ tiền thuê nhà ở 43 người).

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024; đang triển khai tổ chức lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp năm 2024 tỉnh Bình Định.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương: UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, kiên quyết xử lý theo quy định những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm, tiêu cực, tự ý đặt ra thủ tục hành chính không đúng quy định hoặc để chậm, muộn hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, vi phạm đạo đức công vụ; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2024 về thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tỉnh Bình Định năm 2024.

- Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức: thực hiện việc rà soát, kê khai, bù đắp dữ liệu vào cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh và kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý. Đến nay, 100% hồ sơ (32.152 cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Định) được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ.

5. Về cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

+ Về thu ngân sách nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (chưa kể thu vay, huy động đóng góp, thu bổ sung từ ngân sách Trung

²⁶ Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng và Du lịch.

²⁷ Ông Lê Công Nhường, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; bà Võ Thị Tuyết Nhung, Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

²⁸ Ông Lê Đức Nhã, Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định; ông Nguyễn Văn Phú, Chủ tịch Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định; ông Lê Phước Nin, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng thuộc Sở Y tế.

ương) thực hiện 2.012.135 triệu đồng, đạt 13,4% dự toán năm, vượt 27,9% so cùng kỳ năm 2023 và đạt gần 100% so với kế hoạch thu 02 tháng. Trong đó, thu nội địa thực hiện 1.817.859 triệu đồng, đạt 12,7% so dự toán năm, vượt 19,2% so cùng kỳ, đạt 94,8% so với kế hoạch thu 02 tháng. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu cổ tức lợi nhuận được chia, lợi nhuận để lại và thu xổ số kiến thiết, thu nội địa thực hiện 1.293.309 triệu đồng, đạt 16,2% dự toán năm, tăng 5,8% so cùng kỳ.

Trong cơ cấu nguồn thu, có 07/17 khoản thu thực hiện đạt khá, cao hơn mức bình quân thu 02 tháng so với dự toán năm (phải thu 16,6% so với dự toán năm) như: thu từ DNNN địa phương đạt 31% dự toán; thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài đạt 31,4% dự toán; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 19,3% dự toán; thuế thu nhập cá nhân đạt 19,1% dự toán; thu phí và lệ phí đạt 22,4% dự toán; thu khác đạt 31,6% dự toán; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 23,6% dự toán.

+ Về chi ngân sách địa phương: Tổng chi ngân sách địa phương đến tháng 02/2024 là 2.945.519 triệu đồng, đạt 13,7% dự toán năm và bằng 97,7% so cùng kỳ. Trong đó, chi ngân sách tỉnh 1.609.382 triệu đồng, đạt 13,8% dự toán năm và chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) 1.336.137 triệu đồng, đạt 13,6% dự toán năm. Chi đầu tư phát triển thực hiện 954.858 triệu đồng, đạt 11,9% dự toán, tăng 22,2% so với cùng kỳ. Chi thường xuyên thực hiện 1.699.309 triệu đồng, đạt 17,2% dự toán, tăng 8,6% so với cùng kỳ. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, ngay từ đầu năm các cơ quan tài chính đã tiến hành nhập dự toán kinh phí cho các đơn vị trên chương trình quản lý TABMIS, thực hiện thẩm tra dự toán theo quy định để đảm bảo chi lương cho các đơn vị và chi hỗ trợ cho một số nội dung chi hoạt động khác; phân bổ dự toán kinh phí mục tiêu ngay từ đầu năm, đảm bảo cho các huyện, thị xã, thành phố chủ động thực hiện các chính sách.

+ Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công: Kế hoạch vốn năm 2024 (tính đến ngày 06/3/2024): 12.731.297 triệu đồng và đã thanh toán 1.722.127 triệu đồng, đạt 13,53% so với kế hoạch.

- **Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:** UBND tỉnh ban hành Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2024 ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu Phần mềm Quản lý tài sản công và báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh.

- **Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập:** Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh Bình Định. Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 135/135 đơn vị khối tỉnh được giao quyền

tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó: 08 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 17 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 79 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 31 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Tỉnh ủy ban hành 01 Nghị quyết của Tỉnh ủy (Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20 tháng 9 năm 2021 về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030); UBND tỉnh ban hành 01 Chỉ thị, 11 Quyết định, 13 Kế hoạch làm cơ sở pháp lý triển khai nhiệm vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn tỉnh. Triển khai nhiệm vụ năm 2024, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024²⁹, xác định 20 chỉ tiêu, 64 nhiệm vụ trọng tâm; Kế hoạch công tác của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2024.

- Kết quả xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật: cơ bản đáp ứng nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, trong đó: Hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Data Center cơ bản đảm bảo và đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin (gồm: Hệ thống văn phòng điện tử; Hệ thống thư điện tử, các trang thông tin điện tử, trực liên thông kết nối, hệ thống dịch vụ đô thị thông minh); Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II đã kết nối đến 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (gồm: 37 cơ quan, đơn vị là các sở, ban, ngành và 11 UBND các huyện, thị xã, thành phố; 159/159 xã, phường, thị trấn) và kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp I do Cục Bưu điện Trung ương quản lý; Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, internet, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đã phủ đạt 97% thôn, làng trên địa bàn tỉnh (còn 02 thôn/làng thuộc khu vực vùng sâu, vùng xa chưa phủ sóng di động hiện đang triển khai kéo điện lưới để phủ sóng di động); Hệ thống hạ tầng thông tin Dịch vụ công và một cửa điện tử tỉnh được Văn phòng UBND tỉnh thuê dịch vụ CNTT tập trung toàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, lưu trữ trên hệ thống của đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), phục vụ nhu cầu kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Tích hợp các hệ thống phần mềm dùng chung phục vụ chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh: Cổng thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Tỉnh đã xây dựng đưa vào sử dụng thử nghiệm Kho dữ liệu số dùng chung và các hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành.

²⁹ Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh.

- **Kết quả xây dựng và phát triển dữ liệu:** Các hệ thống phần mềm dùng chung được triển khai, ứng dụng hiệu quả trong công tác phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh như: Cổng thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Quản lý lịch công tác; Cổng Dịch vụ công của tỉnh; Phần mềm họp không giấy. Đến nay, đạt tỷ lệ 50% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên địa bàn tỉnh, gồm: Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, tài chính; 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành (không bao gồm nội dung mật) được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- **Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:** Tỉnh đã xây dựng đưa vào sử dụng Cổng thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Cổng Dịch vụ công của tỉnh và các Hệ thống thông tin: Hệ thống thông tin quản lý đất đai; Hệ thống thông tin quản lý khoáng sản; Hệ thống thông tin quản lý trường học (CSDL về giáo viên, học sinh); Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống thông tin quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai;... từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Các sở ngành của tỉnh đã triển khai sử dụng nền tảng số như: Nền tảng định danh và xác thực điện tử; Hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh; Hệ thống Bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (EMR); Hồ sơ sức khỏe điện tử công dân (nâng cao); Khám chữa bệnh từ xa.

- **Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng dịch vụ người dân, doanh nghiệp:** triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào công tác quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm, trong đó tập trung phát triển kinh tế số ở các ngành, lĩnh vực có tiềm năng (nông nghiệp; công thương; du lịch; khoa học và công nghệ; thông tin và truyền thông; giao thông vận tải).

- **Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh:** Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh (IOC) được duy trì và nâng cấp, với 08 dịch vụ cơ bản, gồm: Dịch vụ giám sát an toàn thông tin; Dịch vụ phản ánh hiện trường; Dịch vụ giám sát, điều hành giao thông; Dịch vụ giám sát, an ninh trật tự đô thị; Dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; Hệ thống giám sát dịch vụ công; Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội và Dashboard tổng hợp giám sát điều hành. Ngoài ra, Trung tâm IOC đã kết nối với dịch vụ giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản. Trong kỳ, thông qua dịch vụ giám sát, điều hành giao thông phát hiện 167 trường hợp phương tiện vi phạm hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông, gửi Công an tỉnh xử lý theo thẩm quyền (108 ô tô con; 01 ô tô khách; 05 ô tô tải; 53 mô tô); Dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng ghi nhận 14.578 bài đăng dư luận xã hội về tỉnh Bình Định; Dịch vụ phản ánh hiện trường ghi nhận 46 phản ánh do người dân gửi đến Cổng dịch vụ đô thị thông minh; ...

- **Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định³⁰ công bố sửa đổi, bổ sung Danh mục 11 TTTC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh và Quyết định³¹ giao 07 chỉ tiêu liên quan đến “Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTTC, dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn tỉnh trong năm 2024 cho 18 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, 11 Ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm: (i) Hồ sơ trực tuyến, (ii) Thanh toán trực tuyến, (iii) Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTTC, (iv) khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa, (v) Cấp kết quả điện tử, (vi) Dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến và (vii) Thủ tục hành chính cung cấp thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến). Đến nay có 08/11 đơn vị cấp huyện³² đã có văn bản giao chỉ tiêu cho đơn vị cấp xã. Kết quả, tỷ lệ hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến tăng 59.022 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2023, đạt 82,3%. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản³³ đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh³⁴, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện triển khai việc cung cấp dịch vụ thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai của doanh nghiệp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Ngay từ đầu năm, các cấp, các ngành, địa phương bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh để triển khai nhiệm vụ bằng những kế hoạch, chương trình hành động cụ thể trong công tác cải cách hành chính. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh tích cực, chủ động trong việc đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính thường xuyên, liên tục, quyết liệt với tư duy đổi mới, chủ động, sáng tạo, thể hiện rõ tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích của Nhân dân.

- Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, tạo chuyển biến khá rõ nét trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ở các cơ quan, đơn vị; đội ngũ cán bộ công chức, viên chức đã có chuyển biến tích cực về nhận thức, hành động và hiệu quả phục vụ.

³⁰ Quyết định 162/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³¹ Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³² 08 đơn vị cấp huyện ban hành Quyết định, gồm: Tuy Phước (Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 01/02/2024), Quy Nhơn (Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 26/01/2024), Hoài Nhơn (Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 29/01/2024), Vĩnh Thạnh (Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 25/01/2024), Hoài Ân (Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25/01/2024), An Lão (Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 24/01/2024), An Nhơn (Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 23/01/2024), Tây Sơn (Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 26/02/2024).

³³ Công văn số 1453/UBND-KSTT ngày 03 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³⁴ Văn phòng UBND tỉnh ban hành Công văn số 131/VPUBND-TTPVHCC ngày 07 tháng 3 năm 2024 đề nghị VNPT Bình Định tập trung phối hợp Triển khai tích hợp, kết nối dịch vụ thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai của doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Hoàn thành kết nối, tích hợp các nội dung trên trước ngày 25/3/2024.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý thủ tục hành chính của tỉnh được tập trung xây dựng, hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Thủ tục hành chính được chú trọng cải cách theo chiều sâu, cắt giảm thành phần hồ sơ, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ nhờ tăng cường kết nối, tích hợp “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh” với nhiều hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để chia sẻ thông tin, dữ liệu quản lý.

- Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đổi mới thực chất với sự tham gia thực hiện nhiệm vụ của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa các cấp, cùng với việc triển khai “Mô hình hành chính phục vụ người dân”, “Mô hình tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính phi địa giới” trên địa bàn tỉnh.

2. Một số hạn chế và khó khăn, vướng mắc

- Quy trình thực hiện của một số dịch vụ công trực tuyến còn phức tạp, chưa thuận lợi hơn so với việc nộp hồ sơ trực tiếp bằng bản giấy hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Do áp lực chỉ tiêu về dịch vụ công trực tuyến nên một số sở, ngành, địa phương còn có tình trạng làm thay, làm hộ người dân, dẫn đến kỹ năng số của người dân chậm có sự cải thiện.

- Kết quả tái sử dụng dữ liệu điện tử về thủ tục hành chính chưa tương xứng với kết quả số hóa, chưa phục vụ hiệu quả cho việc giảm giấy tờ, thành phần hồ sơ khi người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Tiếp tục hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp. Chỉ đạo các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh triển khai các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2024, trong đó tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) năm 2023. Ban hành Kế hoạch Cải thiện nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024; ban hành Kế hoạch Kiểm tra cải cách hành chính năm 2024.

2. Ưu tiên nguồn lực cho công tác xây dựng, hoàn thiện, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân, doanh nghiệp.

3. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để phục vụ tốt hơn cho người dùng, nhất là tái cấu trúc quy trình đối với các dịch vụ công trực tuyến. Thẩm định, kiểm soát chặt chẽ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh; kiên quyết tham mưu, đề xuất tạm dừng cung cấp đối với những dịch vụ công trực tuyến không đáp ứng yêu cầu chất lượng, nhất là những dịch vụ công trực tuyến còn yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ giấy theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023; đồng thời, gắn với việc đánh giá thí điểm không nhận hồ sơ giấy; ban hành và triển khai Kế hoạch thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025. Triển khai thí điểm chức năng chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung về vị trí việc làm, tinh giản biên chế theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

5. Triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã.

6. Tiếp tục thực hiện quyết liệt và có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Triển khai nền tảng phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh; ban hành Kế hoạch thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nội vụ xem xét tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Cục Chuyển đổi số quốc gia;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT[©]

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục I
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / / 2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản	20	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (<i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	%	33,33	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	10	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	-	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	-	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	19	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	01	Đang tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định đối với 18 nhiệm vụ trong hạn
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	-	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	-	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	-	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL³⁵ do địa phương ban hành	Văn bản	27	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	20	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	07	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	00	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	07	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	15	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	15	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	15	

³⁵Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	-	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	41	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	66	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1991	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>1527</i>	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>310</i>	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>154</i>	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	388	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	111	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	-	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,86%	(3.1.2)/(3.1.1)
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>21031</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>21001</i>	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,76%	(3.2.2)/(3.2.1)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	35676	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	35590	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,83%	(3.3.2)/(3.3.1)
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	47696	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	47614	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	33	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	30	Còn 03 PAKN đang giải quyết còn trong hạn

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	122	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	591	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	17,53	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.187	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.037	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	-	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	04	Thực hiện chế độ tinh giản
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	13,63	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	25.938	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23.770	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	22	Thực hiện chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				sách tỉnh giản
3.4.	Tỷ lệ % đã tỉnh giản so với năm 2015	%	15,77	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22/22	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	720/720	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	4	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	-	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	257	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	-	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		-	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	-	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	13,53%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	12.731.297	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	1.722.127	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	738	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	8	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	38	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	202	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>10</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>30</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>162</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	490	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100,00%	(1.4.2)/(1.4.1)
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	812	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	812	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	385	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100,00%	(1.5.2)/(1.5.1)
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	947	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	947	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	270	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	75,04%	(1.6.2)/(1.6.1)
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1759	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1320	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ	%	98,33%	(1.7.2)/(1.7.1)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>			
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	96975	
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	95359	
6.8.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>%</i>	100,00%	(1.8.2)/(1.8.1)
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	578	
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	578	

Phụ lục II**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2024 TỈNH BÌNH ĐỊNH***(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2024 của UBND tỉnh Bình Định)*

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH		
1	Tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính, khen thưởng năm 2023 và triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tỉnh năm 2024.	Kế hoạch 24/KH-UBND ngày 19/02/2024	Sở Nội vụ
1.1	Công bố kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023	Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	Sở Nội vụ
1.2	Công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2023	Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.3	Khen thưởng trong công tác cải cách hành chính	Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	Sở Nội vụ;
2	Truyền thông về cải cách hành chính năm 2024	Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 14/3/2014	Sở Thông tin và Truyền thông
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ		
3	Ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	Sở Tư pháp
4	Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2024	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	Sở Tư pháp

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì
5	Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 25/01/2024	Sở Tư pháp
6	Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023	Sở Tư pháp
7	Báo cáo kết quả thực hiện công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023	Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 08/3/2024 về kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định trong kỳ hệ thống hóa 2019 – 2023.	Sở Tư pháp
III	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ		
8	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh (thường xuyên và đào tạo chuyên sâu) năm 2024	Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/02/2024	Sở Nội vụ
9	Kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025	Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2024 về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025	Sở Nội vụ
IV	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ		
10	Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024	Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2024	Sở Thông tin và Truyền thông